

SỞ Y TẾ PHÚ THỌ  
TRUNG TÂM Y TẾ KV PHÚC YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 06 /TTYT-TM  
V/v Mời báo giá vắc xin tiêm  
dịch vụ mua sắm năm 2026

Phúc Yên, ngày 05 tháng 3 năm 2026

Kính gửi: Các công ty sản xuất, nhập khẩu và kinh doanh Dược phẩm.

Trung tâm Y tế khu vực Phúc Yên có nhu cầu tiếp nhận báo giá để lựa chọn nhà cung cấp các vắc xin tiêm dịch vụ năm 2026, với nội dung cụ thể như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:**

**1. Đơn vị yêu cầu báo giá:** Trung tâm Y tế khu vực Phúc Yên.

Địa chỉ: Tổ dân phố Cả Đông, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ.

**2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:**

Ds. Nguyễn Ngọc Thắng, Phó trưởng khoa Dược – Trung tâm Y tế khu vực Phúc Yên.

Số điện thoại: 0977.732.186

**Cách thức tiếp nhận báo giá:**

- Nhận trực tiếp tại khoa Dược – Trung tâm Y tế khu vực Phúc Yên, Tổ dân phố Cả Đông, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ.

- Nhận qua email: [khoaduocphucyen@gmail.com](mailto:khoaduocphucyen@gmail.com) (bản scan có dấu đỏ)

**3. Thời hạn tiếp nhận báo giá:** từ ngày 05/3/2026 đến ngày 18/3/2026

Các báo giá nhận sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

**4. Thời hạn có hiệu lực báo giá:** Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 18/3/2026

**II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

**1. Danh mục vắc xin yêu cầu báo giá:** Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm.

Các đơn vị cung cấp có thể chào giá từng mục hoặc toàn bộ các mục tại Thư mời chào giá.

Các yêu cầu về hoạt chất, nhóm TCKT, nồng độ, hàm lượng... nêu tại Thư mời báo giá là bản mô tả yêu cầu tối thiểu hoặc tương đương.

Các đơn vị báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về vắc xin, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

**Địa điểm cung cấp:** Trung tâm Y tế khu vực Phúc Yên. Địa chỉ: Tổ dân phố Cả Đông, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ.

**2. Thời gian giao hàng dự kiến:** Giao thành nhiều lần, theo tiến độ từng lần gọi hàng, trong vòng 05 ngày kể từ khi nhận được thông tin yêu cầu từ Trung tâm.

**3. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng** theo các quy định hiện hành.

**4. Yêu cầu về hồ sơ báo giá:**

- Các tài liệu yêu cầu tại Mục 5 là cơ sở để đánh giá Báo giá của Nhà cung cấp. Trường hợp không gửi đủ trước thời điểm kết thúc mời báo giá, Nhà cung cấp sẽ không được phép bổ sung, và Trung tâm chỉ đánh giá trên cơ sở những tài liệu nhận được.

**5.1. Hồ sơ pháp lý của công ty**

Hồ sơ pháp lý của công ty bao gồm các tài liệu sau:

- a) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược do cơ quan có thẩm quyền cấp với phạm vi kinh doanh là sản xuất vắc xin hoặc bán buôn vắc xin
- c) Thông tin về việc đáp ứng hoặc duy trì đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt tùy theo từng loại hình kinh doanh

Thông tin về việc đáp ứng và duy trì đáp ứng các nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt được công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

**5.2. Hồ sơ sản phẩm**

- a) Hồ sơ chứng minh tính hợp lệ của thuốc tại báo giá bao gồm:

+ Nhà cung cấp liệt kê thông tin tên mặt hàng thuốc tham gia báo giá, cơ sở tham gia sản xuất; số đăng ký lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu do Cục Quản lý Dược cấp và các thông tin khác có liên quan (ghi đầy đủ các thông tin theo quy định tại Phụ lục 2- Mẫu báo giá) và các tài liệu chứng minh (GPLH và các tài liệu liên quan)

Các thông tin phải phù hợp với thông tin về thuốc đã được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu được Cục Quản lý Dược công bố trên trang thông tin điện tử của Cục Quản lý Dược (địa chỉ: <http://www.dav.gov.vn>)

+ Tờ hướng dẫn sử dụng vắc xin được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

- b) Các giấy tờ khác có thể bổ sung thêm (nếu có):

### 5.3. Báo giá vắc xin theo mẫu tại Phụ lục II

Trung tâm Y tế khu vực Phúc Yên rất mong nhận được sự hợp tác của các Quý Công ty, đơn vị.

Trân trọng cảm ơn./.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, PGD TT;
- Phòng KHDD (để đăng tải Website TT);
- Lưu: VT, KD.



**Nguyễn Hữu Trung**

(Phụ lục I. Đính kèm thư mời báo giá số 06/TTYT-TM ngày 05/3/2026 của Trung tâm Y tế khu vực Phúc Yên)

STT	Tên hoạt chất/ Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế/Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng
1	Kháng thể kháng vi rút dại	1000IU/lọ	Thuốc tiêm	4	Liều	310
2	Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết $\geq 95\%$ )	10mcg/0,5ml	Thuốc tiêm	4	Liều	150
3	Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết $\geq 95\%$ )	20mcg/1ml	Thuốc tiêm	4	Liều	330
4	Polysaccharide polyribosylribitol phosphate cộng hợp với giải độc tố uốn ván	10mcg+20,8-31,25mcg/0.5ml	Thuốc tiêm	5	Liều	100
5	- Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm A H1N1: A/Victoria/2570/2019 IVR-215(H1N1) - Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm A H3N2: A/Cambodia/e0826360/2020 IVR-224(H3N2) - Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm type B: B/Washington/02/2019 - Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm type B: B/Phuket/3073/2013	Type A H1N1-15mcg; type A H3N2-15mcg; type B: B/Washington/02/2019-15mcg; type B: B/Phuket/3073/2013 - 15mcg)/ 0,5ml	Thuốc tiêm	2	Liều	450
6	Kháng nguyên tinh chế từ virus dại chủng L.Pasteur 2061 Vero 15 passage, nuôi cấy trên tế bào vero	$\geq 2,5$ IU / 0,5ml	Thuốc tiêm đông khô	5	Liều	2,100
7	Mỗi 1 liều vắc - xin hoàn nguyên (0,5 ml) chứa: Virus dại bất hoạt (chủng Wistar PM/WI 38 1503-3M) $\geq 2,5$ IU	Mỗi 1 liều vắc - xin hoàn nguyên (0,5 ml) chứa: Virus dại bất hoạt (chủng Wistar PM/WI 38 1503-3M) $\geq 2,5$ IU	Thuốc tiêm đông khô	1	Liều	2,250
8	Kháng nguyên tinh chế từ virus dại chủng Pitman Moore	$\geq 2,5$ IU/0,5ml	Thuốc tiêm đông khô	5	Liều	900
9	Mỗi liều 1,5ml chứa: Rotavirus ở người sống giảm độc lực chủng RIX4414 $\geq 10^{6.0}$ CCID <sub>50</sub>	Mỗi liều 1,5ml chứa: Rotavirus ở người sống giảm độc lực chủng RIX4414 $\geq 10^{6.0}$ CCID <sub>50</sub>	Hỗn dịch uống	4	Liều	100
10	Mỗi liều 0,5mL chứa 30mcg protein L1 HPV týp 6; 40mcg protein L1 HPV týp 11; 60mcg protein L1 HPV týp 16; 40mcg protein L1 HPV týp 18; 20mcg protein L1 HPV cho mỗi týp 31,33,45,52 và 58	0.5ml	Thuốc tiêm	1	Liều	1,500
11	Biến độc tố bạch hầu $\geq 30$ IU; Biến độc tố uốn ván $\geq 40$ IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà (PT) 25mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) 25mcg và Pertactin (PRN) 8mcg; Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (HBV) 10mcg; Virus bại liệt týp 1 bất hoạt (chủng Mahoney) 40 DU; Virus bại liệt týp 2 bất hoạt (chủng MEF-1) 8 DU; Virus bại liệt týp 3 bất hoạt (chủng Saukett) 32 DU; Polysaccharide của Haemophilus influenza týp b 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván như protein chất mang (PRP-TT)	$\geq 30$ IU; $\geq 40$ IU; 25 mcg; 25 mcg; 8 mcg; 10mcg; 40 DU; 8 DU; 32 DU; 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván	Thuốc tiêm đông khô	1	Liều	450
12	Virus sởi $\geq 1000$ CCID <sub>50</sub> ; Virus quai bị $\geq 12500$ CCID <sub>50</sub> ; virus rubella $\geq 1000$ CCID <sub>50</sub>	0.5ml	Thuốc tiêm đông khô	1	Liều	150

STT	Tên hoạt chất/ Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế/Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng
13	Oka/Merck varicella virus, live, attenuated $\geq$ 1350 PFU	0,5ml	Thuốc tiêm đông khô	1	Liều	100
14	Một liều (0,5ml) chứa 1 mcg polysaccharide của các týp huyết thanh 1 <sup>1,2</sup> , 5 <sup>1,2</sup> , 6B <sup>1,2</sup> , 7F <sup>1,2</sup> , 9V <sup>1,2</sup> , 14 <sup>1,2</sup> , 23F <sup>1,2</sup> và 3 mcg của các týp huyết thanh 4 <sup>1,2</sup> , 18C <sup>1,3</sup> , 19F <sup>1,4</sup>	1mcg 3mcg	Thuốc tiêm	1	Liều	300
15	Huyết thanh týp 1 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 3 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 4 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 5 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 6A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 6B polysaccharid phé cầu khuẩn 4,4mcg; Huyết thanh týp 7F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 9V polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 14 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 18C polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 19A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 19F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 23F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Cộng với Protein vận chuyển CRM197 32mcg	Mỗi bom tiêm chứa một liều đơn 0.5ml có chứa: Huyết thanh týp 1 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 3 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 4 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 5 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 6A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 6B polysaccharid phé cầu khuẩn 4,4mcg; Huyết thanh týp 7F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 9V polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 14 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 18C polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 19A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 19F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 23F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Cộng với Protein vận chuyển CRM197 32mcg	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	1	Liều	300
16	Virus thủy đậu sống giảm độc lực (chủng OKA) $\geq$ 103,3 PFU	$\geq$ 103,3 PFU	Thuốc tiêm đông khô	5	Liều	60
17	Mỗi liều 0,5ml chứa: Giải độc tố bạch hầu: không dưới 20 IU; Giải độc tố uốn ván: không dưới 40 IU; Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT): 25mcg, Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA): 25mcg; Virus bại liệt (bất hoạt): Týp 1 (Mahoney): 40 đơn vị kháng nguyên D, Týp 2 (MEF-1): 8 đơn vị kháng nguyên D, Týp 3 (Saukett): 32 đơn vị kháng nguyên D; Kháng nguyên bề mặt viêm gan B: 10mcg; Polysaccharide của Haemophilus influenzae týp b (Polyribosylribitol Phosphate): 12mcg cộng hợp với protein uốn ván 22-36 mcg.	Mỗi liều 0,5ml chứa: Giải độc tố bạch hầu: không dưới 20 IU; Giải độc tố uốn ván: không dưới 40 IU; Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT): 25mcg, Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA): 25mcg; Virus bại liệt (bất hoạt): Týp 1 (Mahoney): 40 đơn vị kháng nguyên D, Týp 2 (MEF-1): 8 đơn vị kháng nguyên D, Týp 3 (Saukett): 32 đơn vị kháng nguyên D; Kháng nguyên bề mặt viêm gan B: 10mcg; Polysaccharide của Haemophilus influenzae týp b (Polyribosylribitol Phosphate): 12mcg cộng hợp với protein uốn ván 22-36 mcg.	Thuốc tiêm	1	Liều	150

STT	Tên hoạt chất/ Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế/Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng
18	Giải độc tố bạch hầu $\geq$ 30IU, Giải độc tố uốn ván $\geq$ 40IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố (PTxd) 25 mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) 25 mcg; Virus bại liệt týp 1 bất hoạt 40 D.U; Virus bại liệt týp 2 bất hoạt 8 D.U; Virus bại liệt týp 3 bất hoạt 32 D.U	Giải độc tố bạch hầu $\geq$ 30IU, Giải độc tố uốn ván $\geq$ 40IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố (PTxd) 25 mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) 25 mcg; Virus bại liệt týp 1 bất hoạt 40 D.U; Virus bại liệt týp 2 bất hoạt 8 D.U; Virus bại liệt týp 3 bất hoạt 32 D.U	Thuốc tiêm	1	Liều	150
19	Mỗi liều 0,5ml chứa: - Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp) 4 $\mu$ g; - Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp) 4 $\mu$ g; - Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp) 4 $\mu$ g; - Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W-135) (đơn giá cộng hợp) 4 $\mu$ g; - Protein giải độc tố Bạch hầu 48 $\mu$ g (Protein mang cộng hợp polysaccharide đối với tất cả các nhóm huyết thanh)	Mỗi liều 0,5ml chứa: - Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp) 4 $\mu$ g; - Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp) 4 $\mu$ g; - Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp) 4 $\mu$ g; - Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W-135) (đơn giá cộng hợp) 4 $\mu$ g; - Protein giải độc tố Bạch hầu 48 $\mu$ g (Protein mang cộng hợp polysaccharide đối với tất cả các nhóm huyết thanh)	Thuốc tiêm	1	Liều	100
20	Mỗi liều 0,5ml chứa: Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp)*10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W135) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg *được cộng hợp với chất mang là protein giải độc tố uốn ván khoảng 55mcg	Mỗi liều 0,5ml chứa: Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp)*10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W135) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg *được cộng hợp với chất mang là protein giải độc tố uốn ván khoảng 55mcg	Dung dịch tiêm	1	Liều	100
21	Mỗi lọ đơn liều chứa: Meastes Virus NLT 1000 CCID 50; Mumps Virus NLT 5000 CCID 50; Rubella Virus NLT 1000 CCID50	1000 CCID 50; 5000 CCID 50; 1000 CCID 50	Thuốc tiêm đông khô	5	Liều	300
22	Protein bao gồm kháng nguyên virus viêm gan A tinh khiết 100 $\mu$ g/0,5ml	Liều 0,5 ml	Thuốc tiêm	4	Liều	100
23	Mỗi liều 0,5ml chứa: virus viêm gan A (chủng GBM) bất hoạt 80U	Mỗi liều 0,5ml chứa: virus viêm gan A (chủng GBM) bất hoạt 80U	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	1	Liều	100
24	Mỗi liều vắc xin 1 ml chứa: Globulin kháng độc tố uốn ván 1500 UI	1500 đvtqt	Thuốc tiêm	4	Liều	300

STT	Tên hoạt chất/ Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế/Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng
25	Mỗi 0,5 ml vắc xin chứa: A/Brisbane/02/2018 (H1N1)pdm09 – sử dụng chủng tương đương (A/Brisbane/02/2018, IVR-190) 15 micrograms HA; A/South Australia/34/2019 (H3N2) – sử dụng chủng tương đương (A/South Australia/34/2019, IVR-197) 15 micrograms HA; B/Washington/02/2019 – sử dụng chủng tương đương (B/Washington/02/2019, chủng hoang dã) 15 micrograms HA; B/Phuket/3073/2013 – sử dụng chủng tương đương (B/Phuket/3073/2013, chủng hoang dã) 15 micrograms HA.	Mỗi 0,5 ml vắc xin chứa: A/Brisbane/02/2018 (H1N1)pdm09 – sử dụng chủng tương đương (A/Brisbane/02/2018, IVR-190) 15 micrograms HA; A/South Australia/34/2019 (H3N2) – sử dụng chủng tương đương (A/South Australia/34/2019, IVR-197) 15 micrograms HA; B/Washington/02/2019 – sử dụng chủng tương đương (B/Washington/02/2019, chủng hoang dã) 15 micrograms HA; B/Phuket/3073/2013 – sử dụng chủng tương đương (B/Phuket/3073/2013, chủng hoang dã) 15 micrograms HA.	Thuốc tiêm	1	Liều	450
26	Mỗi 0,5 ml vắc xin chứa: A/ Brisbane/02/2018 (H1N1)pdm09- Like strain (A/Brisbane/02/2018,IVR-190) - 15 mcg haemagglutinin; A/ South Australia/34/2019(H3N2)- Like strain(A/South Australia/34/2019, IVR- 197) - 15 mcg haemagglutinin; B/Washington/02/2019 - like strain ( B/Washington/02/2019, Wild type) - 15mcg haemagglutinin; B/Phuket/3073/2013 - like strain ( B/Yamagata/16/88 lineage) ( B/Phuket/3073/2013, Wild type) - 15mcg haemagglutinin( Thành phần được cập nhập hàng năm theo sự phê duyệt của Cục Quản lý Dược)	0,5 ml/ lọ	Thuốc tiêm		Liều	250
27	Vắc xin phòng Não mô cầu	Protein màng ngoài tinh khiết vi khuẩn não mô cầu nhóm B 50mcg/0,5ml. Polysaccharide vỏ vi khuẩn não mô cầu nhóm C-50mcg/0,5ml.	Thuốc tiêm	5	Liều	900
28	Giải độc tổ uốn ván tinh chế	Giải độc tổ uốn ván tinh chế $\geq 40$ IU/0,5ml	Hỗn dịch tiêm	4	Liều	750
29	Mỗi liều 0,5 ml vắc xin hoàn nguyên chứa: Virus Viêm não Nhật Bản chủng SA14-14-2 tái tổ hợp, sống, giảm độc lực 4,0 - 5,8 log PFU	Mỗi liều 0,5 ml vắc xin hoàn nguyên chứa: Virus Viêm não Nhật Bản chủng SA14-14-2 tái tổ hợp, sống, giảm độc lực 4,0 - 5,8 log PFU	Thuốc tiêm đông khô	5	Liều	150

STT	Tên hoạt chất/ Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế/Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng
30	Tuýp huyết thanh 1 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 3,3$ log 10 PFU; Tuýp huyết thanh 2 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 2,7$ log 10 PFU; Tuýp huyết thanh 3 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 4,0$ log 10 PFU; Tuýp huyết thanh 4 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 4,5$ log 10 PFU	1 liều 0.5ml	Thuốc tiêm	1	Liều	100
31	Mỗi liều 0,5ml sau hoàn nguyên chứa 50mcg kháng nguyên gE tái tổ hợp của vi rút Varicella Zoster (VZV) được bổ trợ với AS01B	Mỗi liều 0,5ml sau hoàn nguyên chứa 50mcg kháng nguyên gE tái tổ hợp của vi rút Varicella Zoster (VZV) được bổ trợ với AS01B	Thuốc tiêm	1	Liều	100
32	Mỗi liều vắc-xin (0,5 ml) chứa 25mcg mỗi loại trong số 23 loại huyết thanh polysaccharide của phế cầu khuẩn	Mỗi liều vắc-xin (0,5 ml) chứa 25mcg mỗi loại trong số 23 loại huyết thanh polysaccharide của phế cầu khuẩn	Thuốc tiêm	1	Liều	100
33	Mỗi liều đơn 0,5 ml: Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phế cầu khuẩn 4,4 mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 8 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 10A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 11A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 12F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 15B polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 22F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 33F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; (20 cộng hợp phế cầu khuẩn - saccharid cộng hợp với CRM197)	1 liều đơn 0,5ml	Thuốc tiêm	1	Liều	100

**Phụ lục II: BIỂU MẪU BẢNG BÁO GIÁ**  
**DANH MỤC VẮC XIN TIÊM DỊCH VỤ MUA SẴM NĂM 2026**

(Kèm theo Công văn số ...../TTYT-KD ngày 05/3/2026 của Trung tâm Y tế khu vực Phúc Yên)

Tên công ty, đơn vị:

Mã số thuế:

Số CV/BG:

Người/SĐT liên hệ:

**BẢNG BÁO GIÁ**  
**DANH MỤC VẮC XIN TIÊM DỊCH VỤ MUA SẴM NĂM 2026**

Kính gửi: Trung tâm Y tế khu vực Phúc Yên

1. Trên cơ sở yêu cầu báo giá số ...../TTYT-KD ngày 05/3/2026 của Trung tâm Y tế khu vực Phúc Yên. Chúng tôi .....  
báo giá cho các vắc xin như sau:

STT	STT trong Phụ lục	Tên vắc xin	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	SDK/VISA hoặc GPNK	Hạn dùng (tháng)	Quy cách đóng gói	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Công bố giá KK/KKL của Cục QLD (nếu có)		Thông tin trúng thầu trong vòng 12 tháng	
															Giá KK/KL	Ngày kê khai	Giá trúng thầu	Nơi trúng thầu (SYT/BV) (QĐ số...của Đơn vị...ngày...)
1																		
2																		
3																		
...																		

Ghi chú: Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, bàn giao và các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2026.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định

của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các vắc xin nêu trong Báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng năm 2026  
**Đại diện hợp pháp của công ty**